

Phụ lục IV

THUỐC CÓ GIÁ DỰ KIẾN CAO HƠN CHƯA HỢP LÝ ĐÃ CÓ CẢNH BÁO CỦA BHXH VIỆT NAM

Đơn vị tính: đồng

STT	Mã thuốc	STT TT 30	Tên thuốc hay hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Dạng bào chế, Đường dùng	Hoạt chất thuốc biệt dược	Đơn vị tính	Giá dự kiến	Thuốc giá cao, cảnh báo của BHXH Việt Nam
3	G1N4.443	729	L-Ornithin - L- aspartat	1g/2ml	Thuốc tiêm/truyền		Lọ/Ống	26,900	giá cao hơn thuốc có hàm lượng phổ biến
4	G1N1.110	231	Ciprofloxacin	200mg/20ml	Thuốc tiêm/truyền		Lọ	47,000	thuốc nhóm 1, dung dịch đậm đặc 200mg/20ml, giá, rất cao so với nồng độ 200mg/100ml thông thường (41500 đ) (chỉ ưu tiên trong trường hợp cần hạn chế thể tích tiêm, truyền)
5	G1N1.112	232	Levofloxacin	750mg/150ml	Thuốc tiêm/truyền		Chai/Túi	130,000	thuốc nhóm 1, hàm lượng 750mg/150ml, giá rất cao so với hàm lượng 500mg/100ml thông thường (79000 đ)
6	G1N2.20	169	Amoxicilin + Acid Clavulanic	250mg + 125mg	Viên, uống		Viên	4,500	thuốc nhóm 2, dạng viên hòa tan nhanh 250mg+31,5mg, giá cao so với viên nén thông thường hàm lượng 500mg+125mg (3.500 đ) (chỉ ưu tiên trong trường hợp đường uống bị hạn chế)
7	G1N2.27	172	Ampicilin + Sulbactam	2g + 1g	Thuốc tiêm/truyền		Lọ	84,400	thuốc nhóm 2, hàm lượng 2g+1g, giá rất cao so với hàm lượng 1g+500mg phổ biến (39601 đ)
8	G1N2.66	205	Piperacilin + tazobactam	3g + 0,375g	Thuốc tiêm/truyền		Lọ	105,000	thuốc nhóm 2, hàm lượng 3g+0,375g, giá rất cao so với hàm lượng 4g+0,5g thông thường (67000 đ)
9	G1N3.35	183	Cefixim	200mg	Bột/cốm/hạt pha uống		Gói/Túi	6,500	thuốc nhóm 3, hàm lượng 200mg, giá rất cao so với hàm lượng 100mg (1000 đ)
10	G1N3.77	774	Gliclazid	80mg	Viên, uống		Viên	1,880	thuốc nhóm 3, hàm lượng 80mg, giá, rất cao so với hàm lượng 30mg (280 đ)

11	G1N3.33	183	Cefixim	200mg	Viên nang, uống		Viên	1,100	thuốc nhóm 3, viên phân tán, hàm lượng 200mg giá rất cao so với viên nén thông thường (1050 đ) (chỉ ưu tiên trong trường hợp đường uống bị hạn chế)
12	G1N4.117	169	Amoxicilin + acid clavulanic	500mg + 62,5mg	Viên, uống		Viên	2,350	thuốc nhóm 4, dạng viên phân tán, hàm lượng 500mg+62.5mg, giá rất cao so với hàm lượng 500mg+125mg viên nén phổ biến (1850 đ) (chỉ ưu tiên trong trường hợp đường uống bị hạn chế)
13	G1N4.533	942	Piracetam	400mg/10ml	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống		Gói/Túi	3,150	thuốc nhóm 4, dung dịch uống 400mg, giá rất cao so với viên uống thông thường cùng hàm lượng (210 đ) (chỉ ưu tiên trong trường hợp đường uống bị hạn chế)
14	G1N4.531	942	Piracetam	800mg/10ml	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống		Lọ/Ống	5,985	thuốc nhóm 4, dung dịch uống 800mg, giá rất cao so với viên uống thông thường cùng hàm lượng (280 đ) (chỉ ưu tiên trong trường hợp đường uống bị hạn chế)
15	G1N4.532	942	Piracetam	800mg/8ml	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống		Lọ/Ống	3,990	thuốc nhóm 4, dung dịch uống 800mg, giá rất cao so với viên uống thông thường cùng hàm lượng (280 đ) (chỉ ưu tiên trong trường hợp đường uống bị hạn chế)
16	G1N4.530	942	Piracetam	1200mg; 10ml	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống		Lọ/Ống	7,500	thuốc nhóm 4, dung dịch uống, hàm lượng 1200mg, giá rất cao so với viên uống hàm lượng 400mg thông thường (210 đ) (chỉ ưu tiên trong trường hợp đường uống bị hạn chế)
17	G1N4.154	201	Imipenem + Cilastatin	0,25g + 0,25g	Thuốc tiêm/truyền		Lọ/Ống	55,000	thuốc nhóm 4, hàm lượng 0,25g+0,25g, giá rất cao so với hàm lượng 0,5g+0,5g thông thường (51500 đ)
18	G1N4.150	195	Ceftizoxim	0,5g	Thuốc tiêm/truyền		Lọ/Ống	27,000	thuốc nhóm 4, hàm lượng 0,5g, giá, rất cao so với hàm lượng 1g (15.500 đ-17.000 đ tại Tỉnh Khánh Hòa, Hậu Giang, Thái Bình, Nghệ An, An Giang, Cà Mau...) nhưng không được lựa chọn mua sắm, sử dụng tại tỉnh
19	G1N4.143	188	Cefotiam	0,5g	Thuốc tiêm/truyền		Lọ/Ống	57,500	thuốc nhóm 4, hàm lượng 0,5g, giá, rất cao so với hàm lượng 1g (giá 23.500đ-27.000đ tại các tỉnh Bình Định, Thái Bình, Đồng Tháp, Bến Tre...)
20	G1N4.145	191	Cefpodoxim	200mg	Bột/Cốm/Hạt pha uống		Gói/Túi	7,500	thuốc nhóm 4, hàm lượng 200mg, giá, rất cao so với hàm lượng 100mg (1250 đ)
21	G1N4.397	677	Pantoprazol	20mg	Viên nang, uống		Viên	1,369	thuốc nhóm 4, hàm lượng 20mg, giá rất cao so với hàm lượng 40mg thông thường (350 đ)

22	G1N4.116	169	Amoxicilin + acid clavulanic	250mg + 31,25mg	Bột/cốm/hạt pha uống		Viên	1,200	thuốc nhóm 4, Hàm lượng 250mg+31,5mg, giá rất cao so với hàm lượng 500+125mg thông thường (1850 đ)
23	G1N4.144	188	Cefotiam	2g	Thuốc tiêm/truyền		Lọ/Ống	88,000	thuốc nhóm 4, hàm lượng 2g, giá, cao so với hàm lượng 1g (giá 23.500đ-27.000đ tại các tỉnh Bình Định, Thái Bình, Đồng Tháp, Bến Tre...)
24	G1N4.142	185	Cefoperazon	2000mg	Thuốc tiêm/truyền		Lọ	57,500	thuốc nhóm 4, hàm lượng 2g, giá, rất cao so với hàm lượng 1g cùng nhóm, giá ~9.000đ tại Tỉnh An Giang, Tỉnh Quảng Nam, Tỉnh Sóc Trăng, Tỉnh Quảng Ngãi, Tỉnh Bình Định, Tỉnh Tuyên Quang, Tỉnh An Giang...nhưng không được lựa chọn sử dụng tại
25	G1N4.302	523	Irbesartan + hydrochlorothiazid	300mg + 25mg	Viên, uống		Viên	9,150	thuốc nhóm 4, hàm lượng 300mg+25mg, giá rất cao so với hàm lượng 150mg+12,5mg thông thường (700 đ)
26	G1N3.34	183	Cefixim	400mg	Viên, uống		Viên	2,500	thuốc nhóm 4, hàm lượng 400mg, giá, rất cao so với hàm lượng 200mg (1050 đ)
27	G1N4.187	232	Levofloxacin	750mg/150ml	Thuốc tiêm/truyền		Túi/Chai	42,000	thuốc nhóm 4, hàm lượng 750mg/150ml, giá rất cao so với hàm lượng 500mg/100ml thông thường (18900 đ)
28	G1N4.133	180	Cefazolin	2g	Thuốc tiêm/truyền		Lọ/Ống	24,900	thuốc nhóm 4, rất cao so với hàm lượng 1g giá ~ 6.500 đ tại Tỉnh Yên Bái, Thành phố Hải Phòng, Thành phố Hồ Chí Minh, Tỉnh Quảng Nam, Thành phố Hà Nội...rất cao so với hàm lượng 1g phổ biến (7300 đ)
29	G1N4.127	177	Cefalexin	250mg	Viên nang, uống		Viên	495	thuốc nhóm 4, viên phân tán, hàm lượng 250mg, giá rất cao so với viên nén thông thường (~450đ) (chỉ ưu tiên trong trường hợp đường uống bị hạn chế)